

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI TRONG LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI NĂM 2014

PGS. TS ĐÌNH THỊ MAI - ThS. HÀ VĂN SỸ*

Bảo hiểm xã hội (BHXH) là một chính sách xã hội cơ bản của mỗi quốc gia và là trụ cột quan trọng của hệ thống an sinh xã hội. Chính sách BHXH thể hiện bản chất nhân văn sâu sắc với mục tiêu chủ yếu là đảm bảo nhu cầu thiết yếu và điều kiện cơ bản của đời sống con người, trước hết là người lao động và gia đình họ, tạo cho xã hội an toàn, ổn định, phát triển bền vững. Việc hoàn thiện và tổ chức thực hiện tốt chính sách BHXH luôn là động lực to lớn phát huy tiềm năng sáng tạo của người lao động trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đồng thời góp phần ổn định chính sách an sinh xã hội của mỗi quốc gia.

1. Khái quát về Luật Bảo hiểm xã hội ở Việt Nam

Lần đầu tiên ở Việt Nam, Luật BHXH được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI ban hành ngày 29/6/2006 (Luật số 71/2006/QH11) bao gồm 11 chương và 144 điều. Từ khi Luật BHXH được ban hành, đã tạo ra bước đột phá căn bản về chính sách BHXH của Việt Nam. Trong đó hướng đột phá chính là thực hiện cả BHXH tự nguyện và Bảo hiểm thất nghiệp.

Tuy nhiên, sau gần 10 năm thực thi chính sách theo Luật BHXH, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Luật BHXH năm 2006 đã bộc lộ nhiều điểm bất cập như: Chưa theo kịp với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội; Chưa đáp ứng được nhu cầu hội nhập và không còn phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay; Luật BHXH năm 2006 bao gồm cả những chính sách về bảo hiểm thất nghiệp nên chưa điều chỉnh một cách toàn diện, kịp thời những hoạt động quan trọng, phức tạp của lĩnh vực này.

Chính vì vậy, ngày 20/11/2014, Luật BHXH sửa đổi đã được Quốc hội khóa XIII thông qua tại Kỳ họp thứ 8 (Luật số: 58/2014/QH13), gồm 09 Chương, 125 Điều. Luật BHXH ban hành năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016 quy định chế độ,

chính sách BHXH; Quyền và trách nhiệm của người lao động, người sử dụng lao động; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến BHXH, tổ chức đại diện tập thể lao động, tổ chức đại diện người sử dụng lao động; Cơ quan BHXH; Quỹ BHXH; Thủ tục thực hiện BHXH và quản lý nhà nước về BHXH.

Mục tiêu đặt ra khi xây dựng và ban hành Luật BHXH năm 2014 là: Khắc phục những bất cập của Luật BHXH năm 2006; sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện một số nội dung cho đồng bộ với một số bộ Luật liên quan đến người lao động đã ban hành trong thời gian qua (Bộ luật Lao động, Luật Công đoàn, Luật Hôn nhân và Gia đình sửa đổi...); đồng thời phù hợp với thực tế phát triển kinh tế - xã hội của nước ta theo hướng hội nhập ngày càng sâu, rộng với quốc tế và khu vực. Luật BHXH năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo hướng: Mở rộng đối tượng tham gia BHXH; Hoàn thiện các chế độ chính sách BHXH; Đảm bảo sự bình đẳng trong tham gia và hưởng thụ BHXH; Đảm bảo nguyên tắc đóng và hưởng BHXH; Sự bền vững của hệ thống BHXH; Tổ chức thực hiện minh bạch, đơn giản, thuận tiện hơn so với Luật BHXH năm 2006.

2. Một số điểm mới trong Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014

Thứ nhất, quy định cụ thể hơn về phạm vi điều chỉnh gồm: Chế độ, chính sách BHXH; Quyền và trách nhiệm của người lao động, người sử dụng lao động; Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến BHXH, tổ chức đại diện tập thể lao động, tổ chức đại diện người sử dụng lao động; Cơ quan BHXH; Quỹ BHXH; Thủ tục thực hiện BHXH và quản lý nhà nước về BHXH (nội dung được gạch chân thể hiện những điểm sửa đổi, bổ sung cụ thể hơn so với Luật BHXH năm 2006). Luật BHXH năm 2014 không áp dụng đối với bảo hiểm thất nghiệp do bảo hiểm thất nghiệp đã được quy định trong Luật Việc làm.

* Trường Đại học Công đoàn

Thứ hai, về các chế độ BHXH: Bổ sung thêm một số nội dung của chế độ bảo hiểm thai sản; Bổ sung thêm bảo hiểm hưu trí bổ sung do Chính phủ quy định.

Thứ ba, mở rộng đối tượng tham gia BHXH bắt buộc: Ngoài những đối tượng tham gia BHXH bắt buộc theo quy định hiện hành, Luật bổ sung thêm 03 nhóm đối tượng tham gia BHXH bắt buộc gồm: Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng; Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, phường, thị trấn; Công dân nước ngoài làm việc hợp pháp tại Việt Nam.

Thứ tư, tăng quyền lợi cho người lao động đối với chế độ ốm đau, thai sản: Đây là các chế độ BHXH có liên quan trực tiếp đến người lao động đang trong độ tuổi lao động đồng thời liên quan đến Luật Hôn nhân và Gia đình sửa đổi. Tuy nhiên, trong nhiều năm qua có nhiều vấn đề đời sống xã hội thực tế phát sinh liên quan đến quyền lợi được bảo hiểm của người lao động nhưng Luật BHXH năm 2006 chưa điều chỉnh. Vì vậy, Luật BHXH năm 2014 đã sửa đổi, bổ sung 10 nội dung liên quan đến vấn đề này, bao gồm: 1) Bổ sung quy định lao động nam có vợ sinh con được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản; 2) Sửa đổi điều kiện hưởng chế độ thai sản trong trường hợp lao động nữ có thời gian đóng BHXH từ đủ 12 tháng nhưng vì lý do thai không bình thường phải nghỉ việc để dưỡng thai theo chỉ định của cơ sở khám, chữa bệnh có thẩm quyền thì chỉ cần đảm bảo điều kiện đóng BHXH từ đủ 03 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng trước khi sinh con; 3) Sửa đổi thời gian lao động nữ nghỉ việc hưởng chế độ khi sinh con, nhận nuôi con nuôi dưới 06 tháng tuổi; 4) Bổ sung trường hợp lao động nam nhận nuôi con nuôi dưới 06 tháng tuổi được hưởng BHXH giống như lao động nữ nhận nuôi con nuôi dưới 06 tháng tuổi; 5) Sửa đổi quy định trong trường hợp chỉ có mẹ tham gia BHXH hoặc cả cha và mẹ đều tham gia BHXH mà mẹ chết sau khi sinh con thì cha hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản đối với thời gian còn lại của người mẹ. Trường hợp mẹ đóng BHXH bắt buộc nhưng chưa đủ thời gian đóng BHXH theo quy định mà chết thì cha hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản cho

đến khi con đủ 06 tháng tuổi; 6) Bổ sung quy định trường hợp chỉ có cha tham gia BHXH mà mẹ chết sau khi sinh con hoặc gặp rủi ro sau khi sinh mà không có đủ sức khỏe để chăm sóc con có xác nhận của cơ sở khám, chữa bệnh theo thẩm quyền thì người cha được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản cho đến khi con đủ 06 tháng tuổi; 7) Bổ sung trường hợp chỉ có cha tham gia BHXH khi vợ sinh con thì cha được trợ cấp một lần bằng 02 tháng tiền lương cơ sở cho mỗi con; 8) Tăng thêm 01 tháng cho thời gian lao động nữ nghỉ thai sản trong trường hợp con chết sau khi sinh; 9) Bổ sung quy định chế độ thai sản của lao động nữ mang thai hộ và người mẹ nhờ mang thai hộ theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình sửa đổi; 10) Sửa đổi cách tính chế độ trợ cấp ốm đau, thai sản.

Thứ năm, đối với chế độ hưu trí: Luật BHXH năm 2014 sửa đổi, bổ sung 09 nội dung, trong đó có những nội dung thay đổi hoàn toàn so với quy định cũ, có những nội dung mang tính nhạy cảm vì những thay đổi và cách tính mới có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người lao động khi nghỉ hưu hưởng trợ cấp BHXH. Những sửa đổi, bổ sung đó là: a) Bổ sung quy định lao động nữ là người hoạt động chuyên trách hoặc không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn tham gia BHXH khi nghỉ việc mà có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm đóng BHXH và đủ 55 tuổi thì được hưởng lương hưu (tuy nhiên, nếu lương hưu thấp hơn mức lương cơ sở thì không được bù bằng mức lương cơ sở); b) Đối với trường hợp nghỉ hưu trước tuổi, quy định lộ trình tăng tuổi hưởng lương hưu đối với nhóm bị suy giảm khả năng lao động theo các mức khác nhau; c) Bổ sung quy định người đang hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng nếu bị phạt tù giam thì trong thời gian thi hành án vẫn được hưởng lương hưu; d) Bổ sung quy định nếu có căn cứ xác định việc hưởng BHXH hàng tháng không đúng quy định của pháp luật thì cơ quan BHXH thực hiện tạm dừng hưởng, trong thời hạn 30 ngày cơ quan BHXH nơi tạm dừng phải giải quyết hưởng tiếp hoặc ra quyết định chấm dứt hưởng BHXH nêu rõ lý do; e) Bổ sung quy định người hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng nếu ra nước ngoài định cư được nhận trợ cấp một lần; g) Quy định hạn chế hưởng BHXH một lần chỉ giải quyết đối với các trường hợp cụ thể; h) Sửa đổi

mức hưởng BHXH một lần; i) Trợ cấp một lần khi nghỉ hưu; Sửa đổi cách tính lương hưu khối Nhà nước (bao gồm: tính tỷ lệ lương hưu và tính mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH), theo đó, người sớm nhất có thể áp dụng cách tính toàn bộ quá trình phải là người nghỉ hưu từ năm 2045 trở đi.

Thứ sáu, đối với chế độ tử tuất: Luật sửa đổi, bổ sung 05 nội dung: Bổ sung điều kiện phải có đủ 12 tháng đóng BHXH bắt buộc trở lên đối với người đang tham gia hoặc bảo lưu thời gian đóng BHXH mới được hưởng trợ cấp mai táng (trừ trường hợp chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp); Bổ sung đối tượng giải quyết chế độ tử tuất đối với người hưởng lương hưu nhưng đang chấp hành hình phạt tù mà bị chết trong tù; Bổ sung quy định cho phép thân nhân người lao động được lựa chọn hưởng trợ cấp tuất hàng tháng hoặc trợ cấp tuất một lần trừ trường hợp có thân nhân là con dưới 6 tuổi, con hoặc vợ hoặc chồng mà bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Bổ sung quy định trường hợp người lao động không có thân nhân quy định của Luật BHXH thì trợ cấp tuất một lần được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế; Tăng mức trợ cấp tuất một lần đối với trường hợp người lao động đang đóng hoặc đang bảo lưu thời gian đóng BHXH chết từ 1,5 tháng lên 2 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH cho mỗi năm đóng BHXH từ năm 2014 trở đi.

Thứ bảy, khuyến khích mở rộng đối tượng tham gia BHXH tự nguyện: Luật sửa đổi, bổ sung thêm các quy định theo hướng sẽ khuyến khích mở rộng đối tượng tham gia BHXH tự nguyện với 04 nội dung: Không khống chế tuổi trần khi tham gia BHXH tự nguyện, chỉ cần đóng đủ số năm và đủ tuổi nghỉ hưu sẽ được hưởng lương hưu; Đối với những người lao động thuộc diện nghèo được Nhà nước hỗ trợ một phần phí đóng BHXH tự nguyện (căn cứ vào điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, khả năng ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ để quy định mức hỗ trợ, đối tượng hỗ trợ và thời điểm hỗ trợ); Mức sản thu nhập làm căn cứ đóng BHXH tự nguyện sẽ hạ xuống bằng 22% mức chuẩn nghèo ở nông thôn (thay vì bằng mức lương cơ sở như hiện nay); Phương thức đóng linh hoạt hơn, người lao động có thể đóng mỗi năm một lần, một lần cho nhiều năm trong quá khứ hoặc tương lai.

Thứ tám, về trách nhiệm thực hiện BHXH: Luật sửa đổi, bổ sung thêm các quy định theo hướng tăng thêm trách nhiệm của các bộ, ngành về thực hiện và quản lý quỹ BHXH, cụ thể:

- + Bổ sung trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- + Bổ sung trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- + Bổ sung trách nhiệm của UBND các cấp về BHXH;
- + Bổ sung trách nhiệm của người sử dụng lao động;
- + Bổ sung trách nhiệm của tổ chức đại diện người sử dụng lao động;
- + Bổ sung quyền và trách nhiệm của tổ chức công đoàn: “Tổ chức công đoàn được bổ sung quyền khởi kiện đối với các hành vi vi phạm pháp luật về BHXH gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động; bổ sung trách nhiệm tham gia thanh tra việc thi hành pháp luật về BHXH”;
- + Bổ sung quy định về quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận;
- + Bổ sung quyền và trách nhiệm của cơ quan BHXH.

Thứ chín, về chế tài xử lý vi phạm: Quy định các hành vi bị nghiêm cấm, quy định cụ thể về xử lý vi phạm pháp luật về BHXH. Tăng chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm quy định về chậm đóng BHXH theo quy định từ 30 ngày trở lên thì ngoài việc phải đóng đủ số tiền chưa đóng, chậm đóng và bị xử lý theo quy định của pháp luật, còn phải nộp số tiền lãi bằng 02 lần mức lãi suất đầu tư Quỹ BHXH bình quân của năm trước liền kề tính trên số tiền, thời gian chậm đóng. □

Tài liệu tham khảo

1. Luật BHXH năm 2006 - Luật số 71/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI ban hành ngày 29/6/2006.
2. Luật BHXH sửa đổi năm 2014 - Luật số 58/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII ban hành ngày 20/11/2014.
3. Luật BHYT sửa đổi năm 2014 - Luật số 46/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII ban hành ngày 13/6/2014.